

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 01/4/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Hảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Vượng
2. Ông Hoàng Văn Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Ngọc Hán - Kiểm sát viên.

Ngày 01/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà A, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà A, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2019, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế N đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 2013 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung.

Tuy nhiên một thời gian ngắn sau khi kết hôn giữa vợ chồng chị đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn theo thời gian. Kể từ năm 2015 đến nay thì tình trạng vợ chồng đã quá căng thẳng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về cách sống, lối sống, quan điểm sống, không còn quan tâm, không có trách nhiệm với nhau, anh N thường xuyên đánh đập chị. Mặc dù đã được gia đình, bạn bè động viên, khuyên giải nhiều lần và bản thân chị cũng đã cố gắng rất nhiều để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng vì mâu thuẫn đã quá trầm trọng và sâu sắc không thể hàn gắn được, nay chị xác định tình cảm không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh N.

*Về con chung vợ chồng:* Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị T sinh ngày 12/07/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 09/12/2015. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với vợ chồng chị. Khi ly hôn thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị đang kinh doanh, thu nhập từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ/ tháng.

*Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị H trình bày: chị và anh N ly thân từ năm 2015, anh N hiện đang ở đâu và làm gì chị không biết vì anh N cũng không về nhà sinh sống cùng chị và cũng không về nhà mẹ đẻ anh N ở, thỉnh thoảng anh N có về thăm các con và mẹ đẻ anh N rồi anh N lại đi ngay. Con cái đều do một mình chị chăm sóc, anh N không quan tâm, không đóng góp gì để cùng chị nuôi dạy các con. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N và chị thiết tha được nuôi cả hai cháu, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

*\*Tại các bản tự khai ngày 21/02/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là anh Nguyễn Thế N trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 2013 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung.

Mâu thuẫn của vợ chồng anh phát sinh từ tháng 10 năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H có tình cảm với người đàn ông khác, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và thường xuyên to tiếng, cãi vã nhau. Hiện vợ chồng anh vẫn đang sống cùng với nhau. Nay anh

xác định vẫn còn tình cảm và vẫn yêu thương chị H nên anh không đồng ý ly hôn chị H.

*Về con chung vợ chồng:* Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/07/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 09/12/2015. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với vợ chồng anh. Trường hợp chị H kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị T và giao cháu Nguyễn Gia B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh mở cửa hàng bán đồ ăn sáng, thu nhập khoảng hơn 10.000.000đ/ tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

*Về tài sản chung, công nợ chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được:

+ Biên bản xác minh ngày 22/02/2019, bà Nguyễn Thị K là mẹ đẻ anh Nguyễn Thế N cung cấp như sau: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Thế N, bà cùng đăng ký hộ khẩu thường trú với chị H, anh N. Anh N, chị H kết hôn từ ngày 30/8/2013, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và có 02 con chung, mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh và trở nên trầm trọng từ khoảng 03 tháng nay, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã nhau, hiện nay vợ chồng vẫn sống cùng nhau, bà mong chị H rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Chị H, anh N có 02 con chung hiện đều đang ở cùng cả bố và mẹ, trường hợp vợ chồng ly hôn thì cả hai đều đủ điều kiện nuôi con, bà cũng sẽ hỗ trợ anh N, chị H chăm sóc, nuôi dạy 2 con.

+ Biên bản xác minh ngày 22/02/2019, bà Nguyễn Thị Bích K là tổ trưởng tổ dân phố N cung cấp: Chị H, anh N kết hôn với nhau và cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Việc vợ chồng chị H, anh N mâu thuẫn với nhau như thế nào địa phương không nắm được, hiện nay vợ chồng vẫn sống cùng nhau, bà được biết hiện anh N đang nghiện ma túy và điều trị bằng phương pháp uống Methadone.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

+ Ngày 15/3/2019, Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh N vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

+ Tại phiên tòa hôm nay anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thế N; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 09/12/2015 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/07/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế N kết hôn ngày 30 tháng 8 năm 2013 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị H và anh N là tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, một thời gian ngắn sau khi kết hôn giữa vợ chồng đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn theo thời gian. Kể từ năm 2015 đến nay thì tình trạng vợ chồng đã quá căng thẳng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về cách sống, lối sống, quan điểm sống, không còn quan tâm, không có trách nhiệm với nhau, chị H trình bày anh N thường xuyên đánh đập chị. Anh N trình bày mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ tháng 10 năm 2018, nguyên nhân do chị H có tình cảm với người đàn ông khác, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và thường xuyên to tiếng, cãi vã nhau, anh N xác định vẫn còn tình cảm với chị H và không đồng ý ly hôn, nhưng Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải, anh N đều không có mặt để tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại các phiên tòa xét xử. Như vậy, xác định anh N không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ,

hiện tại anh N không chung sống cùng với chị H. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Chị H và anh N xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/07/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 09/12/2015. Chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con, anh N đề nghị được nuôi cháu Nguyễn và giao cháu Bảo cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy: Hiện hai cháu đang ở với chị H đều do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N hiện không chung sống cùng nhà với chị H, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cả hai cháu, do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5]. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H, anh N đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thế N.

2.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 09/12/2015 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/07/2013 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000134 ngày 26/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

2.4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B,
- UBND phường L, TP. B.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Thanh Hảo**